TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-PT
Ngày 22-6-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường.
Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định*:** Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2015/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2017/QĐPT ngày 06 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách X (NHCSXH); Trụ sở: Tòa nhà C, khu Bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P; trụ sở: Số 15 đường D, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (theo Quyết định ủy quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 và Giấy ủy quyền lại số 106/UQ-NHCS ngày 19/8/2013) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Thị Xuân H, sinh năm 1952; trú tại: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Mai Thị Xuân A, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

3.2 Ông Trương Thượng H, sinh năm 1952 (Vắng mặt - Có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt)

3.3 Bà Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1949 (Vắng mặt - Có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt)

Đồng trú tại: Thôn Giang N, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định.

4. Người kháng cáo: Bà Mai Thị Xuân H là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T là người đại diện của Nguyên đơn trình bày: Ngày 18/10/2009, bà Mai Thị Xuân H, bà Mai Thị Xuân A đến Phòng giao dịch NHCSXH huyện P vay vốn theo chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường 4.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh, lãi suất trong hạn 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,17%/tháng, lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ theo Quyết định 579/QĐ-TTg là 0,57%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/10/2012. Bà H, bà A đã trả gốc 2.777.000 đồng, lãi 929.380 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2015), Bà H, bà A còn nợ 1.971.337 đồng (trong đó: tiền gốc 1.333.000 đồng, lãi quá hạn 638.337 đồng). Nay yêu cầu Bà H, bà Aphải trả 1.971.337 đồng và tính tiền lãi phát sinh mới.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/12/2013 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị Xuân H trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền như Phòng giao dịch NHCSXH huyện Pđã trình bày. Nhưng việc vay và trả tiền đều thông qua bà Nguyễn Thị Thanh Quản, bà đã trả cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện P3.000.000 đồng gốc và lãi (Trong đó bà trực tiếp trả 1.667.000 đồng gốc, bà Qnhận của bà 1.333.000 đồng và tiền lãi để trả cho Ngân hàng), nên bà Qphải chịu trách nhiệm trả nợ cho NHCSXH.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2013 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Xuân A trình bày: Bà là em ruột của bà Mai Thị Xuân H, bà thống nhất như trình bày của Bà H, bà không nhận và sử dụng khoản tiền vay của Bà H, nên không đồng ý cùng Bà H trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2014 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Quản trình bày: Năm 2007, bà làm Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội phụ nữ thôn Giang Nam. Bà được Phòng giao dịch NHCSXH huyện P ủy quyền làm thủ tục cho chị em vay và thu tiền gốc, lãi trả cho Ngân hàng. Bà thừa nhận có nhận tiền của Bà H như Bà H đã trình bày, nhưng bà chưa nộp số tiền đó cho Ngân hàng. Tòa án đã xét xử hình sự buộc vợ chồng bà có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Bà H, nên trong vụ án này Bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện P, bà không còn liên quan gì nữa.

Tại bản tự khai ngày 27/01/2015 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thượng H trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh Quản, bà Qvà Bà H vay tiền và trả nợ cho Ngân hàng CSXH như thế nào thì ông không biết, nên ông không đồng ý cùng bà Qtrả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2015/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Buộc bà Mai Thị Xuân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách X số nợ vay theo chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn là 1.971.337 đồng, gồm nợ gốc 1.333.000 đồng, nợ lãi quá hạn 638.337 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, bị đơn bà Mai Thị Xuân H kháng cáo yêu cầu Tòa buộc bà Nguyễn Thị Thanh Q phải trả cho Ngân hàng chính sách X 1.971.337 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Và đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Bà H, sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án, Bà H phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc Bà H phải trả cho Ngân hàng Chính sách X 1.971.337 đồng (Trong đó: gốc 1.333.000 đồng, lãi quá hạn 638.337 đồng) là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà H. Bởi lẽ:

- Theo hợp đồng vay vốn ngày 12/10/2009 giữa Phòng giao dịch NHCSXH huyện Pvới Bà H của chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, thì Bà H vay của Ngân hàng 4.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Trong đó: Lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 18/10/2009 đến ngày 17/10/2011 là 0,57%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/10/2012. Như vậy, chủ thể của hợp đồng bên vay là Bà H, nên Bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ. Sau khi vay, Bà H đã trả gốc 2.667.000 đồng, lãi 929.380 đồng, còn nợ 1.333.000 đồng. Vì không trả đúng hạn, nên số dư nợ 1.333.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 13/11/2012. Tính đến ngày 13/5/2015 Bà H còn nợ 1.971.337 đồng (Trong đó: gốc 1.333.000 đồng, lãi quá hạn 638.337 đồng).

- Bà H không trả cho Ngân hàng, mà giao cho bà Q để bà Q trả cho Ngân hàng là không đúng quy định của hợp đồng vay. Trong khi đó, bà Q đã nhận tiền của Bà H, nhưng lại không trả cho Ngân hàng và đã được Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2014/HSST ngày 18-11-2014 của Tòa án nhân dân huyện P buộc vợ chồng bà Q trả lại cho Bà H 1.715.907 đồng, không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật và đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trả lời án xử đúng, không có căn cứ kháng nghị.

[2] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa XII thì Bà H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, còn NHCSX không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của Bà H không được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa XII thì Bà H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Bà H sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là không đúng hướng dẫn Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa XII.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc bà Mai Thị Xuân H phải trả cho Ngân hàng Chính sách X 1.971.337 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng); trong đó: gốc 1.333.000 đồng, lãi quá hạn 638.337 đồng.

2. Về án phí:

2.1 Hoàn trả lại cho Ngân hàng Chính sách X 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 04100 ngày 06/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

2.2 Bà Mai Thị Xuân H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3 Bà Mai Thị Xuân H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí án dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 08894 ngày 01/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về quyền nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục THA dân sự;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS, Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Liên